

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Tiên.

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1988.

- Bị đơn: Anh Bùi Tá H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Huỳnh Thị Thu Th có đơn xét xử vắng mặt. Anh Bùi Tá H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2022; đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/6/2022; bản tự khai ngày 15/8/2022, tại phiên hòa giải ngày 30/8/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu Th trình bày:*

Chị và anh Bùi Tá H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã ND, thành phố Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà chồng ở thôn P, xã Nghĩa Trung. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, về nhà còn gây gổ chửi mắng, hành hạ tinh thần làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị và các con. Vì các con chị đã nhiều lần khuyên giải để anh H thay đổi nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Tá H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là cháu Bùi Huỳnh Tá V, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Bùi Huỳnh Tá X, sinh ngày 09/4/2017. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu Tòa án giao cháu V và cháu X cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th trình bày không có.

Ngoài ra, chị Th không có yêu cầu khác.

** Bị đơn anh Bùi Tá H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Tại biên bản xác minh ngày 30/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:* Chị Huỳnh Thị Thu Th và anh Bùi Tá H có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Quá trình chung sống chị Th và anh H có 02 con chung tên là cháu Bùi Huỳnh Tá V, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Bùi Huỳnh Tá X, sinh ngày 09/4/2017. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã N, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị Th và anh H vì không nghe chị Th hay anh H báo về mâu thuẫn, hay có đơn thư nhờ Hội can thiệp giải quyết mâu thuẫn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Huỳnh Thị Thu Th ly hôn với anh Bùi Tá H. Về con chung giao cháu Bùi Huỳnh Tá V và cháu Bùi Huỳnh Tá X cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Tá H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Huỳnh Thị Thu Th và anh Bùi Tá H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã ND, thành phố Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện việc xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì anh H vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, chị Th được ly hôn với anh H.

[3.3] Về con chung: Vợ chồng chị Th và anh H có 02 con chung tên là cháu Bùi Huỳnh Tá V, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Bùi Huỳnh Tá X, sinh ngày 09/4/2017. Chị Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung. Hội đồng xét xử nhận định: về cháu V sinh năm 2009 tại thời điểm xét xử cháu V đã trên 7 tuổi, hiện cháu đang học tại trường THCS ND, thành phố Quảng Ngãi, cháu có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng mẹ. Anh H không có lời trình bày nên không xác định được ý kiến của anh H có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng các con hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu V và cháu X, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thu Th, giao cháu V, cháu X cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt nên không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[3.5] Về nợ chung: Chị Th trình bày không có, anh H vắng mặt nên không có ý kiến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu Th, chị Huỳnh Thị Thu Th được ly hôn với anh Bùi Tá H.

2. Giao cháu Bùi Huỳnh Tá V, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Bùi Huỳnh Tá X, sinh ngày 09/4/2017 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Tá H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị Th và anh H có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu Th phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn)

đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002141 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Thu Th và anh Bùi Tá H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Dũng, TP. Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

